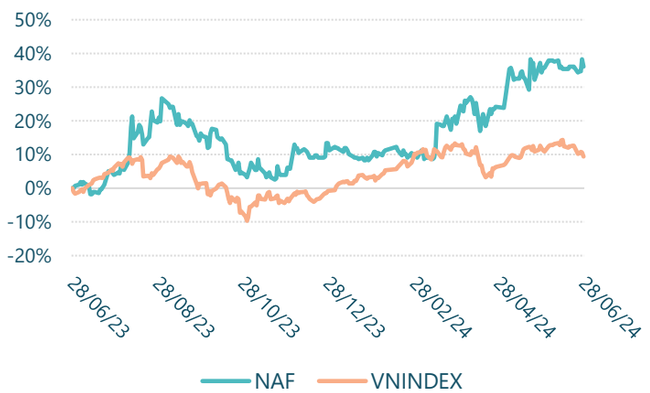
CTCP Nafoods Group (HSX: NAF)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	18,850 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.3%	**14.2%**	**24.8%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	13,600 - 19,150
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	953
Số lượng CPLH (CP)	50,564,090
KLGD BQ 20 phiên (CP)	181,817
Sở hữu nước ngoài	1.1%
Beta	0.81
EPS	2,230
P/E	8.5

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q2/24

441

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 130 | 41.8%

YoY: ▼5.00 | -1.1%

Nợ/VCSH

Q2/24

115%

YoY: +/-▼ 1.1%

LN gộp

Q2/24

136

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 43.7 | 47.4%

YoY: ▲ 12.0 | 9.7%

ROE (TTM)

Q2/24

11.6%

YoY: +/-▲ 0.1%

LN trước thuế

Q2/24

59.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 41.7 | 241%

YoY: ▲ 5.70 | 10.6%

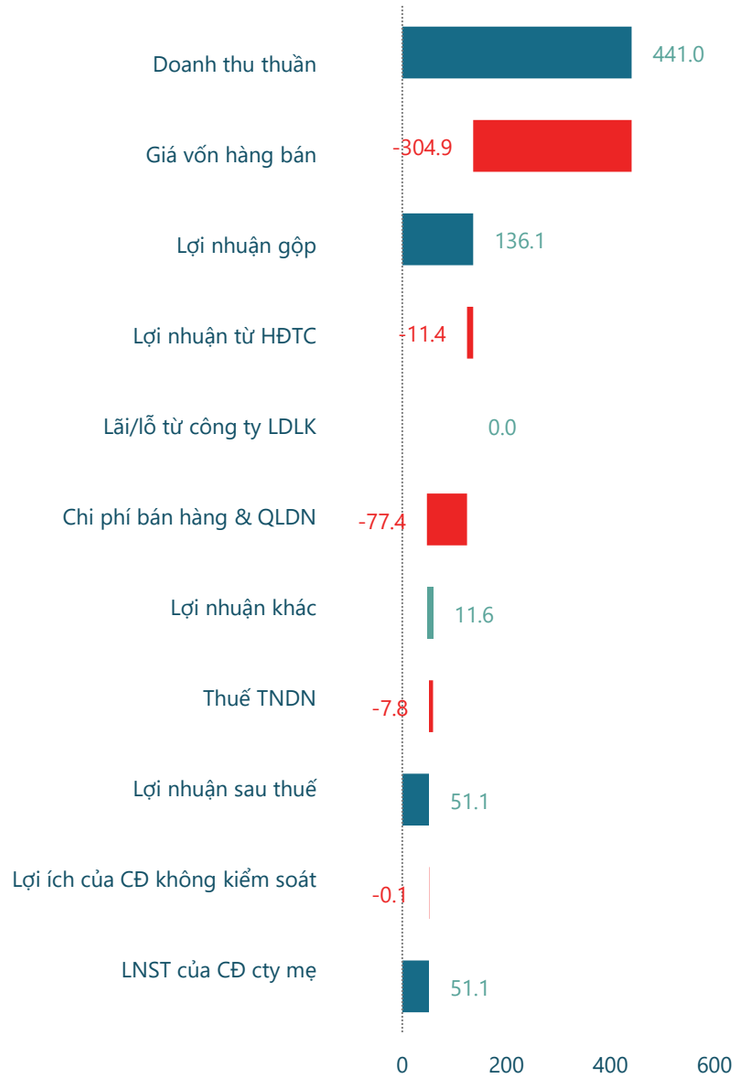
ROA (TTM)

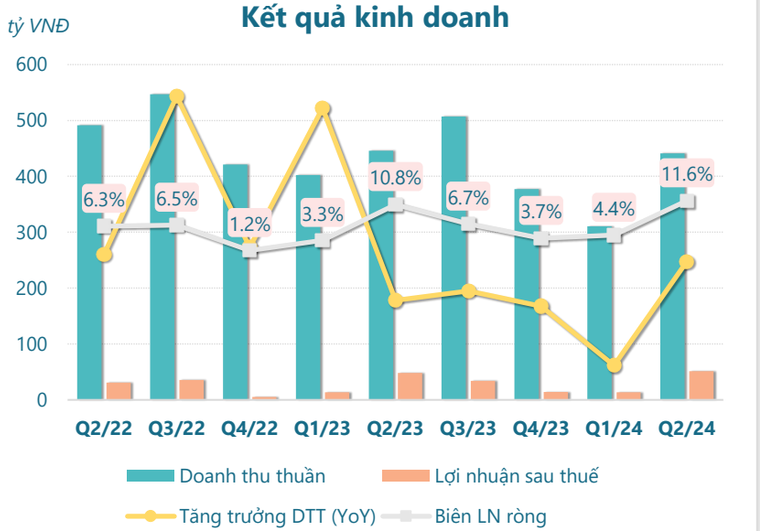
Q2/24

5.5%

YoY: +/-▼ 0.0%

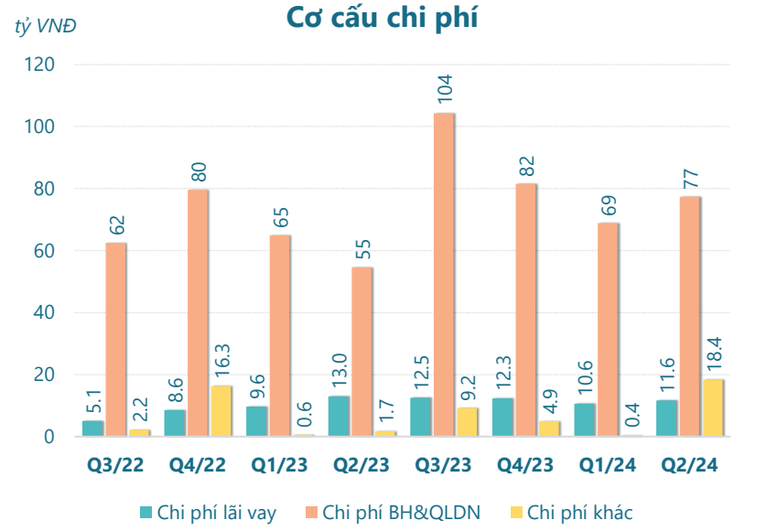
Kết quả kinh doanh Q2/24





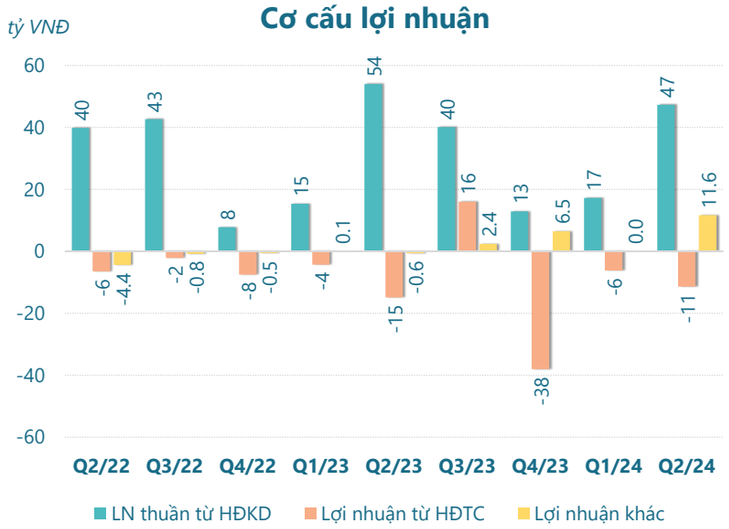
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 47.33 tỷ đồng**, tăng thêm 174% so với kỳ trước và thấp hơn 12.3% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 11.39 tỷ đồng** giảm đi 5.23 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 3.48 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 11.64 tỷ đồng**, tăng thêm 29000% so với kỳ trước và tăng thêm 12.27 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **NAF** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **441.0 tỷ đồng** giảm đi **1.07%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 51.14 tỷ đồng**, **tăng trưởng 6.19%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **752.0 tỷ đồng** thấp hơn 11.3% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 65.00 tỷ đồng** cao hơn 4.84% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **11.60 tỷ đồng** tăng thêm 9.43% so với kỳ trước và thấp hơn 10.8% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **77.35 tỷ đồng** tăng thêm 12.4% so với kỳ trước và cao hơn 41.6% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **18.39 tỷ đồng** tăng thêm 4279% so với kỳ trước và cao hơn 988% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Nafoods Group (HSX: NAF)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**441**	**311**	**41.8%**	**446**	**-1.1%**	**752**	**848**	**-11.4%**
Giá vốn hàng bán	305	218	39.9%	322	-5.3%	523	640	-18.2%
Lợi nhuận gộp	136	92.3	47.4%	124	9.7%	228	208	9.5%
Doanh thu HĐTC	8.51	5.86	45.2%	8.69	-2.1%	14.4	16.4	-12.5%
Chi phí TC	19.9	12.0	65.8%	23.6	-15.7%	31.9	35.6	-10.3%
Chi phí lãi vay	11.6	10.6	9.4%	13.0	-10.8%	22.2	22.6	-2.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**-0.54**	**100%**	**0**	**-0.54**	**100%**
Chi phí bán hàng	40.7	33.4	21.8%	23.9	70.2%	74.1	58.9	25.8%
Chi phí QLDN	**36.7**	**35.4**	**3.6%**	**30.8**	**19.1%**	**72.1**	**60.6**	**19.0%**
LN thuần từ HĐKD	47.3	17.3	174%	54.0	-12.3%	64.6	69.3	-6.7%
Lợi nhuận khác	**11.6**	**0.04**	**28997%**	**-0.63**	**1947%**	**11.7**	**-0.56**	**2199%**
LN trước thuế	59.0	17.3	241%	53.3	10.6%	76.3	68.7	11.0%
Lợi nhuận sau thuế	**51.1**	**13.6**	**276%**	**48.2**	**6.1%**	**64.8**	**61.5**	**5.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**51.1**	**13.6**	**275%**	**48.1**	**6.2%**	**64.7**	**61.4**	**5.3%**

